**YÊU CẦU QUẢN LÍ CHỢ ĐỊA ỐC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên yêu cầu | Biểu mẫu | Quy định | Ghi chú |
| 1 | Lập phiếu đăng kí bán địa ốc | BM1 | QĐ1 |  |
| 2 | Lập phiếu thu | BM2 | QĐ2 |  |
| 3 | Lập phiếu gia hạn dịch vụ | BM3 | QĐ3 |  |
| 4 | Lập phiếu ngưng các dịch vụ đã đăng kí | BM4 | QĐ4 |  |
| 5 | Tra cứu địa ốc | BM5 |  |  |
| 6 | Lập báo cáo tháng | BM6.1, BM6.2 |  |  |
| 7 | Thay đổi quy định |  | QĐ7 |  |

1. Biểu mẫu 1 và quy định 1:

* BM1:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phiếu đăng kí bán địa ốc | | |
| Họ tên người bán: | Địa chỉ người bán: | SĐT: |
| Loại địa ốc: | Địa chỉ địa ốc: | Diện tích khuôn viên: |
| Diện tích sử dụng: | Hướng nhà đất: | Vị trí: |
| Mô tả chi tiết: | | |
| Dịch vụ quảng cáo: | | |

* QĐ1:

Loại địa ốc: “nhà và đất” hoặc “đất”. Hướng nhà đất: Nam, Bắc, Đông Nam,… Vị trí: mặt tiền đường nội bộ hay trong hẻm, nếu trong hẻm thì hẻm bao nhiêu m. Dịch vụ quảng cáo: tờ bướm quảng cáo, quảng cáo trên bảng hoặc quảng cáo trên báo.

1. Biểu mẫu 2 và quy định 2:

* BM2:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phiếu thu | | |
| Họ tên người bán: | Địa chỉ người bán: | SĐT: |
| Dịch vụ đăng kí: | Ngày đăng kí: | Thời hạn: |
| Số tiền phải trả: | | |

* QĐ2:

Dịch vụ đăng kí: tờ bướm quảng cáo, quảng cáo trên bảng hoặc quảng cáo trên báo. Ngày bắt đầu phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày kết thúc.

1. Biểu mẫu 3 và quy định 3:

* BM3:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phiếu gia hạn | | |
| Họ tên người bán: | Địa chỉ người bán: | SĐT: |
| Dịch vụ đăng kí: | Ngày gia hạn: | Thời hạn: |
| Số tiền phải trả: | | |

* QĐ3:

Dịch vụ đăng kí: tờ bướm quảng cáo, quảng cáo trên bảng hoặc quảng cáo trên báo. Số tiền phải trả bằng 80% số tiền trả đầu tiên.

1. Biểu mẫu 4 và quy định 4:

* BM4:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phiếu ngưng dịch vụ | | | |
| Họ tên người bán: | Địa chỉ người bán: | | SĐT: |
| Loại địa ốc: | Địa chỉ địa ốc: | | Diện tích khuôn viên: |
| Diện tích sử dụng: | Hướng nhà đất: | | Vị trí: |
| Mô tả chi tiết: | | | |
| Dịch vụ đã đăng kí: | | Trạng thái: | |

* QĐ4:

Loại địa ốc: “nhà và đất” hoặc “đất”. Hướng nhà đất: Nam, Bắc, Đông Nam,… Vị trí: mặt tiền đường nội bộ hay trong hẻm, nếu trong hẻm thì hẻm bao nhiêu m. Dịch vụ đã đăng kí: tờ bướm quảng cáo, quảng cáo trên bảng hoặc quảng cáo trên báo. Trạng thái: đã bán hoặc chưa bán.

1. Biểu mẫu 5:

* BM5:

|  |  |
| --- | --- |
| Danh sách địa ốc | |
| STT | Thông tin địa ốc |
| 1 | Người bán:  Loại địa ốc: Địa chỉ địa ốc:  Diện tích khuôn viên: Diện tích sử dụng:  Hướng nhà đất: Vị trí:  Mô tả chi tiết:  Trạng thái: |
| 2 | … |

1. Biểu mẫu 6.1 và biểu mẫu 6.2:

* BM6.1:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Báo cáo số lượt đăng kí và gia hạn dịch vụ | | |
| Tháng:  Tổng số lần đăng kí:  Tổng số lần gia hạn: | | |
| Loại dịch vụ | Số lần đăng kí | Số lần gia hạn |
|  |  |  |

* BM6.2:

|  |  |
| --- | --- |
| Báo cáo doanh thu | |
| Tháng:  Tổng doanh thu: | |
| Loại dịch vụ | Doanh thu |
|  |  |

1. Quy định 7:

* QĐ7: Người dùng có thể thay đổi các quy định sau:
  + QĐ1: Thay đổi loại địa ốc, vị trí, dịch vụ quảng cáo.
  + QĐ2: Thay đổi dịch vụ đăng kí.
  + QĐ3: Thay đổi dịch vụ đăng kí.
  + QĐ4: Thay đổi loại địa ốc, vị trí, dịch vụ đã đăng kí.